

Số: 36/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	160M ₁ 01/15	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	19/10/2015 9g45-10g00	Nguyễn Thị Cẩm Tú
2	161B09/15	Bể Chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	19/10/2015 9g30-9g45	
3	161M ₁ 09/15	Nhà Làm Việc - Cảng Vũng Rô			19/10/2015 9g45-10g00	
4	162M ₁ 01/15	131 Nguyễn Thái Học			19/10/2015 8g30-8g45	
5	162M ₂ 01/15	8/19 Nguyễn Huệ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	19/10/2015 9g00-9g15	Phạm thị Luyến
6	162M ₃ 01/15	Khu tái định cư Núi Nhạn			19/10/2015 9g30-9g45	
7	163B01/15	Bể Chứa NMN Tuy Hòa			19/10/2015 8g00-8g15	

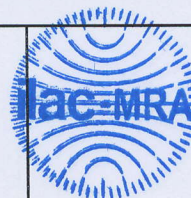
II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				160M ₁ 01/15	161B09/15	161M ₁ 09/15	162M ₁ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.12	7.24	7.30	6.97
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.67	0.70	0.81	0.60
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.03	0.05	0.06	0.03
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.51	13.74	14.10	15.82
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.24	17.60	18.99	46.77
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0040	0.0039	0.0038	0.0037
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.20	4.60	6.20	6.80
10	Mùi vị	không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.20	0.66	0.58	4.50
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.30	5.80	6.40	7.20
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH	0.01	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.45	0.52	0.39
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53	0.44	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				162M ₂ 01/15	162M ₃ 01/15	163B01/15	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.06	6.98	6.84	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.66	0.71	0.63	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.03	0.05	0.03	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.16	17.72	16.51	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	47.75	49.64	47.24	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0040	0.0070	0.0040	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.20	6.60	5.60	
10	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.90	4.20	3.90	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.50	7.40	6.20	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH	KPH	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.45	0.39	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.44	KPH	0.53	

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 26 tháng 10 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



Nguyễn Tấn Thuận

KS. Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân